TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 13/10/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế

Ông Nguyễn Văn Dũ.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thái Thị Mộng X**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị Mộng X là Luật sư **Hoàng Văn Q**, Văn phòng Luật sư Hoàng Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: đường L, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông **Lâm Văn T1**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lâm Văn T1 là là Luật sư **Bạch Sỹ C**, Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng .

Địa chỉ: đường N, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lưu Thị Đ1**, sinh năm 1963 (*có mặt*);
3.2 Bà **Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2)**, sinh năm 1967 (*có mặt*);
3.3 Bà **Lý Só P**, sinh năm 1980 (*có mặt*);
3.4. Bà **Lê Thị Hồng T1 (Lê Thị T1)**, sinh năm 1984 (*có mặt*);
3.5. Bà **Trần Thị L1 (L1)**, sinh năm 1970 (*có mặt*);
3.6. Ông **Lâm Văn C**, sinh năm 1946 (*có mặt*);
3.7. Bà **Phan Thị C**, sinh năm 1950 (*vắng mặt*);
3.8. Ông **Lâm Văn T2**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*);
3.9. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);
3.11. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*);
Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
3.12. Bà **Trịnh Kim L2**, sinh năm 1958 (*có mặt*);
Địa chỉ: ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
3.13. Bà **Trần Thị N (N)**, sinh năm 1980 (*vắng mặt*);
3.14. Bà **Phan Thị Hồng M**, sinh năm 1957 (*vắng mặt*);
Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N và bà Phan Thị Hồng M là ông **Vương Hồng C**, sinh năm 1973. (theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/6/2016)
Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (*vắng mặt*);.
3.15. Bà **Tào Mỹ L3**, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).
Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C, bà Lý Só P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nguyên đơn bà Thái Thị Mộng X trình bày***:

Bà Thái Thị Mộng X và ông Lâm Văn T1 tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/11/2007. Thời gian đầu bà và ông T1 sống chung hạnh phúc và có với nhau 02 đứa con chung tên:

1. Lâm Thái V (nam); sinh ngày 25/8/2006.
2. Lâm Thái T (nam); sinh ngày 25/9/2011.

Về sau giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do gặp khó khăn về kinh tế. Do đó, bà X phải vay tiền và chơi hụi để có vốn nuôi tôm và sinh hoạt trong gia đình hàng ngày. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, vợ, chồng không thống nhất được về nợ, không có khả năng thanh toán và ông T1 không cùng chia sẻ trách nhiệm đối với số nợ nêu trên. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên bà X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 20/10/2014 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc. Nay bà Thái Thị Mộng X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lâm Văn T1.

Về con chung: Bà Thái Thị Mộng X yêu cầu được nuôi dưỡng 02 đứa con

tên Lâm Thái V, sinh ngày 25/08/2006 (nam) và Lâm Thái T, sinh ngày 25/9/2011 (nam) đến đủ 18 tuổi mà không yêu cầu ông Lâm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có:

- 01 căn nhà chính gắn liền với đất tại thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp V, xã V, căn nhà có chiều ngang 5,4m, chiều dài 20m, nhà vách tường, mái lợp tôn, xây dựng năm 2007 trị giá 242.000.000 đồng, đất do cha mẹ chồng là ông Lâm Văn C và bà Phan Thị C cho vợ chồng bà X và ông T1 nhưng chưa tách quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lâm Văn C đứng tên.

- 01 nhà kho có chiều ngang 4,5m, chiều dài 20m nằm trong thửa số 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp V, xã V, nhà vách lá, mái lợp tôn, mặt tiền xi măng, xây dựng năm 2010 trị giá 45.000.000 đồng, đất do cha mẹ chồng là ông Lâm Văn C và bà Phan Thị C cho nhưng cũng chưa tách quyền sử dụng đất.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE biển số 83S6- 6684 mua năm 2010 trị giá 41.000.000 đồng, giấy tờ xe do ông T1 đứng tên nhưng hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu SIRIUS mua năm 2012, trị giá 11.000.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave Alpha mua năm 2008, giá 13.000.000 đồng, hai chiếc xe này hiện nay do ông T1 quản lý, sử dụng và đứng tên chủ sở hữu.

Các vật dụng trong nhà gồm:

- 01 cái tủ lạnh hiệu Panasonic mua năm 2011, trị giá 6.000.000 đồng;
- 01 bộ bàn ghế salon cây, mua năm 2011 trị giá 7.500.000 đồng;
- 01 cái tivi hiệu Panasonic 32inch mua năm 2013 trị giá 5.300.000 đồng.
- 01 bộ máy vi tính mua năm 2009 trị giá 7.500.000 đồng.

Về nợ chung gồm có:

- Nợ tiền vay bà Trần Thị N (N) số tiền là 110.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Phan Thị Hồng M số tiền là 37.000.000 đồng;
- Nợ tiền vay bà Trịnh Kim L2 số tiền là 50.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Lưu Thị Đ1 số tiền là 100.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2) số tiền là 40.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Lý Só P số tiền là 710.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị T2 số tiền là 71.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị C số tiền là 30.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi và tiền vay của bà Lê Thị Hồng T1 (Lê Thị T1) số tiền là 500.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi của bà Tào Mỹ L3 số tiền là 28.000.000 đồng;
- Nợ tiền hụi và tiền vay của bà Trần Thị L1 (L1) số tiền là 80.000.000 đồng.

Về tài sản chung bà X yêu cầu giải quyết như sau:

- Nhà chính và nhà kho gắn liền với đất có diện tích 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V thì bà yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu được sở hữu chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE biển số 83S6- 6684.

- Hai chiếc xe mô tô có hiệu SIRIUS và hiệu WAVE, bà X đồng ý giao cho ông T1 toàn quyền sở hữu.

- Các tài sản khác gồm: Tủ lạnh, tivi, ghế salon và máy vi tính yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Bà Thái Thị Mộng X yêu cầu ông Lâm Văn T1 cùng liên đới trả nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định của pháp luật. Vì số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, khi vay mượn, chơi hụi để phục vụ nuôi tôm sú và sinh hoạt trong gia đình thì ông T1 đều biết.

**** Bị đơn ông Lâm Văn T1 trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà X. Tuy nhiên, ông T1 có ý kiến trình bày cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Lâm Văn T1 đồng ý ly hôn với bà Thái Thị Mộng X.

Về con chung: Ông Lâm Văn T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 đứa con tên Lâm Thái V, sinh ngày 25/8/2006 (nam) và Lâm Thái T, sinh ngày 25/9/2011 (nam). Vì hiện tại các con do ông T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian nuôi con ông T1 không yêu cầu bà Thái Thị Mộng X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Đối với căn nhà chính và nhà kho thì yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Riêng đối với phần đất mà căn nhà và nhà kho đang tồn tại có diện tích 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, ông yêu cầu trả lại cho cha mẹ của ông là ông Lâm Văn C và bà Phan Thị C. Vì phần đất trên trước đây cha mẹ của ông chỉ cho mượn để cất nhà ở tạm.

- Đối với 03 chiếc xe mô tô: Hiệu AIRBLADE biển số 83S6-6684; hiệu SIRIUS biển số 83P1-910.11 và chiếc xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 83H6-8759 thì ông T1 yêu cầu được quản lý, sử dụng, vì những chiếc xe nêu trên do ông đứng tên.

- Các tài sản khác gồm: Tủ lạnh, tivi, ghế salon và máy vi tính thì ông T1 yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Đối với các khoản nợ mà bà X trình bày ông T1 cho rằng là nợ riêng của bà X chứ không phải là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, vì:

Thứ nhất: Trong thời gian hôn nhân thì cuộc sống của vợ chồng về kinh tế rất ổn định, dựa vào các nguồn thu nhập hàng ngày sau đây:

- Lương giáo viên cơ bản của ông T1 hàng tháng từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

- Tiền cho thuê mướn bàn ghế, rạp, tô, chén, đĩa đám tiệc hàng tháng khoản 10.000.000 đồng.

- Tiền thu hoạch hai ao nuôi tôm, diện tích nuôi trên 5.000m^2. Từ khi nuôi cho đến lúc bà X bỏ nhà ra đi thì không có năm nào thua lỗ mà luôn có lời. Cụ thể, trong năm 2014 ông T1 thả nuôi 120.000 con thẻ, đến ngày 28/9/2014 thu hoạch và bán cho ông Thái Văn Nến với tổng số tiền là 184.000.000 đồng, trong đó tiền lời

hơn 100.000.000 đồng và giao cho bà X quản lý toàn bộ số tiền nêu trên để chi tiêu trong gia đình.

Thứ hai: Ngay từ đầu năm 2012 bà X đã có ý định mở hụi và đứng chủ hụi (vì lúc đó thu nhập trong gia đình ổn định nên bà X mới có một số vốn để đứng ra làm chủ hụi). Khi biết được thì ông T1 đã ngăn cản không cho bà X chơi hụi, nhưng bà X không nghe và tự ý lén mở hụi ra chơi. Vì vậy, trong suốt thời gian bà X chơi hụi thì ông T1 hoàn toàn không biết. Đồng thời các khoản tiền vay mà bà X nêu ra ông T1 hoàn toàn không hề hay biết và không có cùng hay kêu bà X đi vay.

Thứ ba: Chính những người có đơn yêu cầu độc lập gửi đến Tòa án thì tất cả đều khẳng định là bản thân ông T1 hoàn toàn không biết, không chứng kiến việc chơi hụi.

Thứ tư: Chỉ trong 02 năm bà X bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì tiêu xài gần 02 tỷ đồng là một điều hoàn toàn không có cơ sở pháp lý. Do đó, đây là khoản nợ riêng của bà X.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập ông Lâm Văn C, bà Phan Thị C (cha mẹ của ông T1) trình bày:***

Đối với phần đất diện tích 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, phần đất này hiện có căn nhà và nhà kho mà vợ chồng Lâm Văn T1 và Thái Thị Mộng X tạo lập là do trước đây ông, bà chỉ cho vợ chồng Thển và Xuyên mượn cất nhà ở tạm chứ không phải cho luôn, khi nào cần thì ông, bà lấy lại. Hiện nay phần đất trên ông Lâm Văn C vẫn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0094/QSDĐ ngày 07/11/1996. Nay vợ chồng Lâm Văn T1 và Thái Thị Mộng X ly hôn thì ông, bà lấy lại.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T1 trình bày*:**

Bà Thái Thị Mộng X là em chồng của bà. Do khó khăn không có tiền nuôi tôm nên có nhờ bà T1 đi vay tiền giúp. Do là chỗ chị em nên bà đồng ý đi vay giúp cho bà X, cụ thể như sau:

- Vào ngày mùng 04/02/2014 âm lịch (nhằm ngày 04/3/2014 dương lịch), Lâm Văn T1 có chở vợ là Thái Thị Mộng X đến nhà bà để hỏi bà vay số tiền là 190.000.000 đồng, bà đưa tiền tận tay cho bà X, lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay đến nay bà X đã đóng lãi đầy đủ.

- Vào ngày 01/6/2014 âm lịch (nhằm ngày 27/6/2014 dương lịch), bà X có làm đầu thảo hụi và vợ chồng bà X có bán cho bà một dây hụi ngày là 50.000 đồng, đến khi bà X bị vỡ nợ thì còn nợ lại bà số tiền 310.000.000 đồng. Như vậy, đến nay vợ chồng bà X còn nợ bà tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Trong đó, nợ vay 190.000.000 đồng và nợ hụi 310.000.000 đồng. Nay bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X, ông T1 có trách nhiệm trả số nợ 500.000.000 đồng.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/5/2016, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Kim L2 trình bày*:**

Vào ngày 24/8/2014, bà Trịnh Kim L2 có cho bà Thái Thị Mộng X vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Do là chỗ quen biết nên việc bà cho bà X vay tiền hai bên không có làm giấy tờ. Sau khi vay tiền, bà X chỉ trả cho bà tiền lãi được 01 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó, bà X không trả

lãi cũng như trả vốn vì bà X, ông T1 bị vỡ nợ. Nay bà L2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông T1 có trách nhiệm trả số nợ 50.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 09/5/2016, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 (Trần Thị L1) trình bày***:

Vào ngày 15/3/2014 (nhằm ngày 14/4/2014 dương lịch), bà Trần Thị L1 có cho bà X mượn số tiền 80.000.000 đồng để hạ thế điện nuôi tôm. Do là chỗ chị em với nhau nên việc bà cho bà X mượn tiền hai bên không có làm giấy tờ. Sau khi mượn tiền đến nay bà X, ông T1 không trả nợ cho bà vì bà X, ông T1 bị vỡ nợ. Nay bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông T1 phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 26/02/2016 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Só P trình bày***:

Thời gian khoảng từ tháng 6 đến tháng 8/2014, bà Thái Thị Mộng X là vợ ông Lâm Văn T1 có làm chủ hụi và bà X kêu bà P mua hụi tổng cộng 168 chân với số tiền là 730.000.000 đồng (vốn gốc không có lãi) và bà X đã trả được 20.000.000 đồng. Việc bà X thiếu nợ nêu trên ông T1 không biết. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X trả số nợ gốc 710.000.000 đồng.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29/02/2016, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 trình bày:***

Vào ngày 20/7/2014 âm lịch, bà Đ2 có mua hụi của bà Thái Thị Mộng X với tổng số tiền 41.500.000 đồng. Sau khi bể hụi thì bà X có gửi trả cho bà Đ2 được 1.500.000 đồng, còn thiếu lại 40.000.000 đồng thì bà X chưa thanh toán. Việc mua hụi ông Lâm Văn T1 có biết hay không thì bà Đ2 không biết. Nay bà Đ2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X phải thanh toán số tiền 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

**** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29/02/2016 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Đ1 trình bày:***

Vào năm 2014 nhưng ngày tháng cụ thể thì bà không nhớ, thì giữa bà với bà X có chơi hụi với nhau. Khi đó, bà X có thiếu bà tiền hụi với số tiền là 100.000.000 đồng (tiền gốc), ông T1 không biết việc này. Nay bà yêu cầu bà X thanh toán cho bà số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng M, bà Trần Thị N (N) và ông Vương Hồng C là người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà N trình bày:

Vào tháng 5/2014, bà Trần Thị N có cho bà Thái Thị Mộng X vay số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Kể từ khi vay đến nay bà X chưa trả vốn và lãi cho bà N. Tháng 9/2014, bà Phan Thị Hồng M có cho bà X mượn số tiền 37.000.000 đồng, không có tính lãi suất. Khi bà N, bà M cho bà X vay, mượn tiền thì hai bên không có làm biên nhận và việc vay, mượn tiền thì ông T1 là chồng bà X cũng không biết. Nay bà Trần Thị N yêu cầu bà X phải hoàn trả số tiền vay 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; Bà Phan Thị Hồng M yêu cầu bà X phải trả số tiền mượn là 37.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị C và bà Tào Mỹ L3 đều không có đơn yêu cầu độc lập và vắng mặt trong các phiên hòa giải, vắng mặt phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại các phiên tòa.*

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Thái Thị Mộng X là luật sư Hoàng Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Thái Thị Mộng X được ly hôn với ông Lâm Văn T1.

Về con chung: Đề nghị cho bà Thái Thị Mộng X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 27, 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Lâm Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà X thanh toán các khoản nợ nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lâm Văn T1 là luật sư Bạch Sỹ C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Thái Thị Mộng X được ly hôn với ông Lâm Văn T1.

Về con chung: Đề nghị cho ông Lâm Văn T1 được tiếp tục nuôi dưỡng 02 đứa con chung. Vì hiện nay các con đang sống chung với ông T1 và do ông T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đề nghị phân chia tài sản tồn tại trên đất gồm nhà chính, nhà kho, các xe mô tô và các tài sản khác theo quy định của pháp luật; Riêng phần đất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Các khoản nợ do bà Thái Thị Mộng X đặt ra không phải là nợ chung, mà là nợ riêng của bà X. Bởi vì các khoản nợ nêu trên bản thân ông T1 không biết và bà X không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là nợ chung của vợ chồng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lời khai của bà X có sự mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, do bà X thừa nhận các khoản nợ nêu trên do một mình bà X tự xác lập, không vì nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà X tự một mình thanh toán các khoản nợ nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V thụ lý, giải quyết. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 119, Điều 280 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 29,

30, 33, 37, 38, 51, 53, 56, 57, 58, 59, 60, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 8, 9 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Mộng X được ly hôn với ông Lâm Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho ông Lâm Văn T1 được tiếp tục nuôi dưỡng hai đứa con tên: Lâm Thái V (nam), sinh ngày 25/8/2006 và Lâm Thái T (nam), sinh ngày 25/9/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Văn T1 không yêu cầu bà Thái Thị Mộng X phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian ông Lâm Văn T1 nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị Mộng X và được phân chia như sau:

*** Ông Lâm Văn T1 chia các tài sản gồm**:

- Ông Lâm Văn T1 được quyền sử dụng và quyền sở hữu căn nhà (gồm nhà chính và nhà kho) gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí tứ cận, số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 162 (nhà của ông Lâm Văn C), có số đo 38,82m (đo từ cách mé lộ 0,83 đo về hướng Nam đến giáp mí hồ nước của ông C);

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 162 (giáp nhà của ông Lâm Văn Lắm), có số đo 38,94m (đo từ cách mí đường nhựa 0,71m kéo về hướng Nam);

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 162, có số đo 9,58m (đo từ móng sân sau hướng Đông kéo về hướng Tây giáp nhà của ông Lâm Văn Lắm).

Hướng Bắc giáp đường 111, có số đo 9,48m (đo từ mí tường phía Đông đo về hướng Tây).

(có sơ đồ kèm theo)

- Ông Lâm Văn T1 được quyền sở hữu các tài sản và đồ vật trong gia đình gồm: 01 xe mô tô hiệu SIRIUS biển số 83P1-910.11 và 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 83H6-8759; 01 Tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 ghế salon gỗ, 01 tivi hiệu Panasonic 32inch, 01 bộ máy vi tính hiệu Dell.

* **Bà Thái Thị Mộng X được chia các tài sản gồm**:

- 01 xe mô tô hiệu AIR BLADE, biển số 83S6- 6684.

* Buộc ông Lâm Văn T1 có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Thái Thị Mộng X bằng giá trị đối với phần tài sản chênh lệch sau đối trừ qua lại tương ứng với số tiền là: **256.053.889đ (hai trăm năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi ba ngàn tám trăm tám mươi chín đồng)**.

4. Về nợ chung:

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các bà: Lưu Thị Đ1, Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2), Lý Só P, Lê Thị Hồng T1, Trần Thị L1 (Trần Thị L1), Trịnh Kim L2.

Buộc bà Thái Thị Mộng X và ông Lâm Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng thanh toán các khoản nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nêu trên cụ thể như sau:

+ Thanh toán cho bà Trịnh Kim L2 số tiền là 50.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 25.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 25.000.000 đồng).

+ Thanh toán cho bà Lưu Thị Đ1 số tiền là 100.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng).

+ Thanh toán cho bà Lý Só P số tiền là 710.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 355.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 355.000.000 đồng).

+ Thanh toán cho bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2) số tiền là 40.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 20.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng).

+ Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng T1 số tiền là 500.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 250.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 250.000.000 đồng).

+ Thanh toán cho bà Trần Thị L1 (Trần Thị L1) số tiền là 80.000.000 đồng (bà X thanh toán số tiền 40.000.000 đồng và ông T1 thanh toán số tiền 40.000.000 đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Thái Thị Mộng X và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm các bà: Lưu Thị Đ1, Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2), Lý Só P, Lê Thị Hồng T1, Trần Thị L1 (Trần Thị L1), Trịnh Kim L2 có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lâm Văn T1 và bà Thái Thị Mộng X còn phải chịu lãi đối với số tiền phải trả, với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 22/5/2017, bị đơn ông Lâm Văn T1 kháng cáo bản án sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét như sau:

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về phần tài sản chung theo hướng chia toàn bộ tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật, bản thân ông T1 không đủ khả năng nhận nhà để trả giá trị lại cho bà X số tiền 256.053.889 đồng.

Hủy phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về phần nợ chung để xác minh, thu thập các chứng cứ làm rõ về sự gian dối, lập hụi ma để lừa gạt những người dân của bà X.

Kiến nghị cấp phúc thẩm chuyển phần nợ chung sang cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V, để điều tra, xác minh làm rõ việc lập "Các dây hụi ma" của bà Thái Thị Mộng X để lừa đảo lấy tiền của người khác.

* Ngày 22/5/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét như sau:

Buộc vợ chồng Thái Thị Mộng X và Lâm Văn T1 phải có trách nhiệm trả lại diện tích đất 370,6m^2 cho vợ chồng ông.

* Ngày 25/5/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Só P kháng cáo bản án sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét như sau:

Buộc bà Thái Thị Mộng X phải có trách nhiệm trả số tiền 710.000.000 đồng cho bà, vì bà biết số tiền này do một mình bà X lấy.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Thái Thị Mộng X không rút đơn khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T1, bà Trịnh Kim L2, bà Trần Thị L1, bà Lý Só P, bà Trịnh Thị Mỹ Đ2, bà Lưu Thị Đ1 giữ nguyên yêu cầu độc lập, bị đơn ông Lâm Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C, bà Lý Só P giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lâm Văn T1 là luật sư Bạch Sỹ C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Ông Lâm Văn T1 không có kháng cáo.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất ý kiến bán toàn bộ phần tài sản chung và chia giá trị bằng tiền, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của các bên đương sự về sự đồng ý bán toàn bộ phần tài sản chung và chia giá trị bằng tiền.

Về nợ chung: Các khoản nợ do bà Thái Thị Mộng X đặt ra không phải là nợ chung, mà là nợ riêng của bà X. Bởi vì các khoản nợ nêu trên bản thân ông T1 không biết và bà X không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là nợ chung của vợ chồng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lời khai của bà X có sự mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, do bà X thừa nhận các khoản nợ nêu trên do một mình bà X tự xác lập, không vì nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ buộc bà X tự một mình thanh toán các khoản nợ nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Thái Thị Mộng X là luật sư Hoàng Văn Q trình bày:*

Về tài sản chung: Đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 27, 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn và gia đình năm 2014 buộc ông Lâm Văn T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà X thanh toán các khoản nợ nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự chấp hành pháp luật nghiêm túc từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông T1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C và bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị C, Ông Lâm Văn T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị N (N), bà Phan Thị Hồng Mảnh, bà Tào Mỹ L3 đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có đơn xin xét xử vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người này.

[**2**] **Về nội dung**:

2.1. Xét kháng cáo của ông Lâm Văn C về phần diện tích đất 370,6 m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, ông cho rằng phần diện tích đất này ông chỉ cho ông Lâm Văn T1 và bà Thái Thị Mộng X mượn cất nhà để ở, nay vợ chồng ông T1, bà X ly hôn thì phải trả lại ông phần diện tích đất. Nhận thấy: Vào năm 2006, ông T1 và bà X ra ở riêng, ông C và vợ là bà Phan Thị C đồng ý cho ông T1 và bà X xây cất nhà kiên cố và nhà kho trên phần diện tích đất này. Trong quá trình ông T1 và bà X xây dựng nhà và sinh sống từ năm 2006 đến khi bà X có đơn xin ly hôn với ông T1, vợ chồng ông C không ngăn cản, không phản đối hay khiếu nại gì đối với việc quản lý và sử dụng toàn bộ phần diện tích đất này của vợ chồng ông T1, bà X. Trong quá trình giải quyết ông C cũng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh việc ông cho ông T1 và bà X mượn phần diện tích đất này để ở. Do đó không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lâm Văn C.

2.2. Xét kháng cáo của ông Lâm Văn T1 về phần chia tài sản chung và nợ chung giữa ông T1 và bà X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 và bà X thống nhất về số tài sản chung như

bản án số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã xác định và phân chia, nhưng ông T1 cho rằng ông không có khả năng trả số tiền 256.053.889 đồng cho bà X để nhận số tài sản này, ông đồng ý cho cơ quan chức năng phát mãi toàn bộ số tài sản chung này và phân chia giá trị cho các bên bằng tiền Việt Nam đồng (VND). Bà X cũng đồng ý với phần trình bày này của ông T1. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa ông T1 và bà X.

Đối với các khoản nợ như bản án sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã xác định và phân chia, ông T1 cho rằng ông không biết và ông không đồng ý với việc bản án buộc ông phải trả số nợ này cùng với bà X. Xét thấy:

- Đối với số tiền hụi của bà Lý Só P là 710.000.000 đồng (*bảy trăm mười triệu đồng*). Số tiền này bà P có yêu cầu độc lập ngày 26/02/2016, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà X thừa nhận về số tiền này phù hợp với yêu cầu của bà P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận về số tiền 710.000.000 đồng của bà P là có thật.

Xét về trách nhiệm trả số tiền này cho bà P thấy rằng: Số tiền này xuất phát từ giao dịch về hụi giữa bà X và bà P, việc bà X đứng ra tổ chức hụi do bà X làm chủ tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng từ năm 2012 đến năm 2014 là một thời gian dài, mọi người đều biết. Việc bà X tổ chức hụi là công khai; hơn nữa bà P là chị dâu của ông T1, nhà bà P và nhà bà X ở sát vách nhau nên việc ông T1 cho rằng ông không biết là không có cơ sở. Tại phiên tòa ông T1 thừa nhận nguyên nhân chính giữa ông và bà X ly hôn là do bà X làm nợ và lấy tiền bán tôm của gia đình đem trả nợ nên hai bên mới phát sinh mâu thuẫn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng có quy định:

"*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.*"

Điều 37 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

"*1. ...*

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;"

Từ những quy định này thấy rằng việc bà X không có công ăn việc làm ổn định, mức thu nhập chính ổn định là lương giáo viên của ông T1 chỉ từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nên việc bà X đứng ra tổ chức chơi hụi là để nhằm tạo thêm thu nhập cho gia đình, để duy trì, phát triển khối tài sản chung giữa ông T1 và bà X. Do đó cần xác định số nợ hụi của bà P là nợ chung của vợ chồng ông T1 bà

X như cấp sơ thẩm xác định là phù hợp.

Tương tự như vậy, Hội đồng xét xử xác định các khoản tiền liên quan đến hụi của bà Lưu Thị Đ1 100.000.000 đồng, bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 40.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng ông T1 và bà X, nên ông T1 phải có trách nhiệm cùng bà X trả số tiền này.

Đối với số tiền của bà Lê Thị Hồng T1 (Lê Thị T1) 500.000.000 đồng (*tiền vay 190.000.000 đồng, tiền hụi 310.000.000 đồng*), mặc dù được bà X thừa nhận nhưng về số tiền nợ bà T1 không có chứng cứ gì chứng minh cho khoản tiền vay này; hơn nữa giữa bà T1 và bà X có quan hệ thân tộc gần gũi (*chị dâu của bà X*) nên không khách quan, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đây là nợ chung giữa ông T1 và bà X. Số tiền này bà X là người thừa nhận nên bà X có trách nhiệm trả số tiền này cho bà T1 là phù hợp.

Tương tự như vậy đối với số tiền của bà Trần Thị L1 (L1) 80.000.000 đồng, bà Trịnh Kim L2 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết bà L1 và bà L2 không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho việc khi cho vay các số tiền này ông T1 có biết; hơn nữa về ngày tháng năm cho vay và các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa còn mâu thuẫn không thống nhất. Do đó không có cơ sở để chấp nhận đây là số nợ chung giữa ông T1 và bà X. Do bà X thừa nhận nên Hội đồng xét xử xác định đây là phần nợ riêng của bà X và bà X có trách nhiệm trả số tiền này cho bà L1 và bà L2.

Đối với kháng cáo của ông T1 đề nghị chuyển hồ sơ cho Công an điều tra về hành vi gian dối, lập hụi ma để lừa gạt những người dân của bà X. Xét kháng cáo này của ông T1 là không có cơ sở bởi lẽ: Toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc chơi hụi đều khẳng định việc bà X đứng ra tổ chức chơi hụi là có thật, chính những người này không có yêu cầu làm rõ việc này và họ đã có yêu cầu độc lập và bà X đã thừa nhận và đồng ý trả số nợ này cho họ, nên việc ông T1 kháng cáo phần này là không đúng.

2.3. Đối với kháng cáo của bà Lý Só P về yêu cầu chỉ mình bà X có trách nhiệm trả cho bà số tiền 710.000.000 đồng này mà không yêu cầu ông T1 trả. Nhận thấy: Như đã phân tích ở trên về trách nhiệm trả nợ của ông T1 và bà X nên yêu cầu này của bà P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về nợ chung và tài sản chung.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về phần tài sản chung, nợ chung.

[**3**] **Về án phí phúc thẩm**: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên sửa ông T1, ông C, bà P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, 315 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn C và kháng cáo của bà Lý Só P. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lâm Văn T1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Mộng X được ly hôn với ông Lâm Văn T1.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lâm Thái V (nam), sinh ngày 25/8/2006 và Lâm Thái T (nam), sinh ngày 25/9/2011 cho ông Lâm Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Bà Thái Thị Mộng X không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do ông T1 không có yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho bà Thái Thị Mộng X không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

* Xác định số tài sản chung của bà Thái Thị Mộng X và ông Lâm Văn T1 bao gồm:

3.1. Toàn bộ ngôi nhà chính và nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí tứ cận, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 162 (nhà của ông Lâm Văn C), có số đo 38,82m (đo từ cách mé lộ 0,83 đo về hướng Nam đến giáp mí hồ nước của ông C);
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 162 (giáp nhà của ông Lâm Văn Lắm), có số đo 38,94m (đo từ cách mí đường nhựa 0,71m kéo về hướng Nam);
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 162, có số đo 9,58m (đo từ móng sân sau hướng Đông kéo về hướng Tây giáp nhà của ông Lâm Văn Lắm).
- Hướng Bắc giáp đường 111, có số đo 9,48m (đo từ mí tường phía Đông đo về hướng Tây).

3.2. Đồ vật trong gia đình gồm: 01 xe mô tô hiệu SIRIUS biển số 83P1-910.11 và 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 83H6-8759; 01 xe mô tô hiệu AIR BLADE, biển số 83S6- 6684; 01 (một) Tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 ghế salon gỗ, 01 tivi hiệu Panasonic 32inch, 01 bộ máy vi tính hiệu Dell.

Số tài sản này được phân chia như sau:

- Bà Thái Thị Mộng X được chia một chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE, biển số 83S6- 6684 (*trị giá 16.400.000 đồng*).

- Ông Lâm Văn T1 được chia 01 xe mô tô hiệu SIRIUS biển số 83P1-910.11 và 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 83H6-8759, 01 (một) Tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 ghế salon gỗ, 01 tivi hiệu Panasonic 32inch, 01 bộ máy vi tính hiệu Dell (*toàn bộ trị giá: 15.650.000 đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Văn T1 và bà Thái Thị Mộng X về việc đồng ý cho cơ quan chức năng bán toàn bộ phần tài sản chung là ngôi nhà chính và nhà kho gắn liền với phần diện tích đất 370,6m^2 nằm trong thửa 162, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp V, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được giá trị bao nhiêu thì chia đôi (50/50) (*giá trị theo định giá phần tài sản này là 499.325.425 đồng*).

4. Về nợ chung, nợ riêng:

- Đối với số nợ chung bao gồm: Nợ của bà Lý Só P 710.000.000 đồng; nợ của bà Lưu Thị Đ1 100.000.000 đồng; nợ của bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2) 40.000.000 đồng. Tổng cộng **850.000.000** đồng. Số nợ này ông T1 và bà X mỗi người có trách nhiệm trả 50% cho bà P, bà Đ1, bà Đ2.

- Đối với số nợ riêng bao gồm: Nợ của bà Lê Thị Hồng T1 (Lê Thị T1) 500.000.000 đồng; nợ của bà Trần Thị L1 (L1) 80.000.000 đồng; nợ của bà Trịnh Kim L2 50.000.000 đồng. Tổng cộng **630.000.000** đồng. Số nợ này là nợ riêng của bà X nên bà X có trách nhiệm trả cho những người này.

Tất cả số tiền nợ này do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không yêu cầu các đương sự phải chịu lãi kể cả trong quá trình thi hành án nên ông T1 và bà X không phải chịu lãi.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc bà Thái Thị Mộng X và ông Lâm Văn T1 mỗi người phải chịu 992.680 đồng. Ông T1 có trách nhiệm nộp số tiền này trả cho bà X, do bà X đã nộp tạm ứng toàn bộ tiền thẩm định và định giá tài sản trước.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Thái Thị Mộng X phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 51.631.800 đồng tiền án phí đối với phần tài sản được chia và số tiền nợ buộc phải trả. Bà X được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.482.500 đồng theo biên lai thu tiền số 005313 ngày 25/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà X còn phải nộp thêm số tiền 49.149.300 đồng.

- Buộc ông Lâm Văn T1 phải chịu 31.612.500 đồng tiền án phí đối với phần tài sản được chia và số tiền nợ buộc phải trả.

- Bà Lưu Thị Đ1, bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 (Trịnh Thị Đ2), bà Lê Thị Hồng T1, bà Trần Thị L1, bà Lý Só P, bà Trịnh Kim L2 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Đ1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 009715 ngày 01/3/2016; hoàn trả cho bà Trịnh Thị Mỹ Đ2 số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai số 009714 ngày 01/3/2016; hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng T1 số tiền 12.000.000 đồng theo biên lai số 0001703 ngày 11/5/2016; hoàn trả cho bà Trần Thị L1 số tiền 2.000.000 theo biên lai thu số 009800 ngày 10/5/2016; hoàn trả cho bà Trịnh Kim

L2 số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai số 009799 ngày 16/5/2016; hoàn trả cho bà Lý Só P số tiền 16.000.000 đồng theo biên lai số 009712 ngày 01/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Lâm Văn T1, ông Lâm Văn C, bà Lý Só P không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T1, ông C, bà P mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng số 0005538, 0005537, 0005545 ngày 24 và ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã V;
- Chi cục THADS thị xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

Nguyễn Khánh Hùng